



hú luó bo
胡萝卜

noun · carrot

Example Sentences

tù zi xǐ huān chī hú luó bo
兔子喜欢吃胡萝卜。

Rabbits like to eat carrots.

mā ma yòng hú luó bo zuò le yī wǎn tāng
妈妈用胡萝卜做了一碗汤。

Mom made a bowl of soup with carrots.

Trace each character, then write the word on your own.

胡	胡	胡	胡	胡	胡	胡	胡	胡	胡	胡
胡										

萝	萝	萝	萝	萝	萝	萝	萝	萝	萝	萝
萝	萝	萝								

卜	卜	卜	卜	卜						